

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quy định mức hỗ trợ vốn ngân sách nhà nước thực hiện phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố Huế) giai đoạn 2021-2025

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 175/2024/QH15 của Quốc hội về việc thành lập thành phố Huế trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Xét Tờ trình số 13431/TTr-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố Huế); Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố Huế).

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố Huế)

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 4 như sau:

“1. Mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp

Thực hiện theo khoản 1 Điều 9 Nghị quyết số 03/2025/NQ-HĐND ngày 07 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Huế quy định một số

chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp thành phố Huế đến năm 2030; khoản 1, khoản 3 Điều 21 của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ về quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 4 như sau:

“b) Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch

- Các dự án, kế hoạch liên kết do cơ quan, đơn vị cấp thành phố triển khai thực hiện:

Đơn vị chủ trì liên kết nộp 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này (trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến) đến cơ quan chủ quản chương trình (Ủy ban nhân dân thành phố) tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Huế. Trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, cơ quan chủ quản chương trình theo thẩm quyền thành lập hoặc giao cơ quan, đơn vị trực thuộc thành lập Hội đồng thẩm định dự án, kế hoạch liên kết và cơ quan, đơn vị, bộ phận giúp việc cho Hội đồng. Thành phần Hội đồng bao gồm: Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo Ủy ban nhân dân thành phố hoặc lãnh đạo sở, ban, ngành; các thành viên là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có dự án, kế hoạch liên kết, đại diện cơ quan quản lý nhà nước về tài chính, ngành, lĩnh vực chuyên môn và chuyên gia độc lập hoặc các thành phần khác (nếu cần thiết).

Trong thời gian 04 (bốn) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này, Hội đồng thực hiện thẩm định hồ sơ lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết. Nội dung thẩm định theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP.

Sau khi Hội đồng thẩm định nhất trí với dự án, kế hoạch liên kết, trong thời gian 04 (bốn) ngày làm việc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định hoặc ủy quyền cho Thủ trưởng sở, ban, ngành phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết. Nội dung quyết định phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP. Trường hợp hồ sơ dự án, kế hoạch không đủ điều kiện phê duyệt thì cơ quan chủ quản chương trình phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

- Các dự án, kế hoạch liên kết do cấp xã triển khai thực hiện:

Đơn vị chủ trì liên kết nộp 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này (trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến) đề nghị hỗ trợ dự án, kế hoạch liên kết đến Ủy ban nhân dân cấp xã qua Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. Trong thời gian 03 (ba) ngày làm việc, Ủy ban

nhân dân cấp xã tiếp nhận, xem xét, kiểm tra tổng hợp hồ sơ và thành lập Hội đồng thẩm định dự án, kế hoạch liên kết và cơ quan, đơn vị, bộ phận giúp việc cho Hội đồng. Thành phần Hội đồng bao gồm: Chủ tịch hội đồng là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã, các thành viên là đại diện các phòng Kinh tế/Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, phòng Văn hóa - Xã hội hoặc các thành phần khác (nếu cần thiết).

Trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này, Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị cấp xã trình Hội đồng thực hiện thẩm định hồ sơ lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết. Nội dung thẩm định theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP.

Sau khi Hội đồng thẩm định nhất trí với dự án, kế hoạch liên kết trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết. Nội dung quyết định phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP. Trường hợp hồ sơ dự án, kế hoạch liên kết không đủ điều kiện phê duyệt thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.”

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 6 như sau:

“2. Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, phương án

Ủy ban nhân dân cấp xã được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thông báo rộng rãi kế hoạch thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng trên các phương tiện truyền thông hoặc trên trang thông tin điện tử, niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của Ủy ban nhân dân cấp xã.

a) Đại diện cộng đồng dân cư (Người đại diện theo ủy quyền tại biên bản họp dân) nộp 01 (một) bộ hồ sơ đề xuất dự án, phương án sản xuất theo quy định tại khoản 1 Điều này đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có dự án qua Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

b) Trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận, xem xét, kiểm tra tổng hợp hồ sơ và thành lập Hội đồng thẩm định dự án, phương án và bộ phận giúp việc cho Hội đồng. Thành phần Hội đồng bao gồm: Chủ tịch hội đồng là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã, các thành viên là đại diện các phòng Kinh tế/Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, phòng Văn hóa - Xã hội hoặc các thành phần khác (nếu cần thiết).

Trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này; Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị

cấp xã trình Hội đồng thực hiện thẩm định hồ sơ lựa chọn dự án, phương án; nội dung thẩm định thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP.

c) Căn cứ ý kiến thẩm định của Hội đồng thẩm định hồ sơ đề nghị dự án, phương án sản xuất, trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất do cộng đồng dân cư đề xuất. Nội dung quyết định phê duyệt dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP. Trường hợp hồ sơ dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất không đủ điều kiện phê duyệt thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.”

4. Bãi bỏ cụm từ “XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ (Đối với tổ, nhóm cộng đồng)” tại mẫu số 01, mẫu số 02 Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐND quy định mức hỗ trợ vốn ngân sách nhà nước thực hiện phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2025.

Điều 2. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 25 tháng 10 năm 2025.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Huế khóa VIII, Kỳ họp chuyên đề lần thứ 26 thông qua ngày 15 tháng 10 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBTV Quốc hội, Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu;
- Các Bộ: TC; NN&MT;
- Cục Kiểm tra văn bản và QLXLVPHC (Bộ Tư pháp);
- Ban Thường vụ Thành ủy;
- BTV Đảng ủy các cơ quan Đảng thành phố;
- Đoàn ĐBQH thành phố; UBMTTQVN thành phố;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- TT.HĐND, UBND các xã, phường;
- Công báo thành phố; Cổng TTĐT thành phố;
- VP: Lãnh đạo và các CV;

CHỦ TỊCH

Lê Trường Lưu